

Số: 193 /BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài “Nghiên cứu xây dựng hệ thống các thư viện số cho các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số 260/QĐ-SKH&CN ngày 04/11/2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng họp tầng 8, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;

- Thời gian: Từ 08h00 đến 11h30 ngày 25/11/2025.

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: 07/07 người.
Vắng mặt: 0 người.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	TS. Dương Hữu Bường	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Phùng Trung Nghĩa	Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	Ủy viên, Phản biện 1
4	PGS. TS. Nguyễn Quang Linh	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Ủy viên, Phản biện 2
5	ThS. Hà Thị Thu Hiếu	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	Ủy viên
6	TS. Nông Minh Ngọc	Phó Chánh Văn phòng - Đại học Thái Nguyên	Ủy viên
7	KS. Vũ Duy An	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học-Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

Thư ký hành chính: ThS. Lê Đào Duy Thắng, Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên

5. Danh sách đại biểu tham dự họp:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Tiến	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	
2	Nguyễn Văn Dẫn	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	
3	Nông Thị Nơi	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	
4	Trần Nhuận Kiên	Trung tâm Số-Đại học Thái Nguyên	
5	Lê Văn Nam	Trung tâm Số-Đại học Thái Nguyên	

6. Hội đồng thống nhất cử ông Vũ Duy An là thư ký khoa học của Hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng

1. Ông Vũ Duy An - Ủy viên, Thư ký Khoa học thông qua quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Hội đồng tư vấn thống nhất phương thức làm việc:

TS. Dương Hữu Bường - Giám đốc Sở - Chủ tịch Hội đồng, phát biểu chỉ đạo và thống nhất phương thức làm việc:

- Đề nghị các thành viên Hội đồng tư vấn nghiên cứu, trao đổi, đánh giá và cho ý kiến về các nội dung của hồ sơ: Tổng quan tình hình nghiên cứu; Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; Sản phẩm khoa học và công nghệ; Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản phẩm và đời sống; Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện; Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia; ...

- Các thành viên Hội đồng tư vấn bỏ phiếu đánh giá đề xuất.

- Thư ký Khoa học tổng hợp kết quả các phiếu đánh giá. Thông qua biên bản họp Hội đồng.

- Thống nhất trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh để thực hiện nếu Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN đồng ý.

3. Các ủy viên Hội đồng tư vấn trình bày ý kiến đánh giá: Chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng trong Phụ lục kèm theo.

C. Bỏ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: Ông Vũ Duy An
- Thành viên: Ông Nông Minh Ngọc
- Thành viên: bà Hà Thị Thu Hiếu

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký:

ĐA X. H.
S
IOA
CÔNG
H TH

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu:

07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **79,8 điểm**. Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài nêu trên:

Tên tổ chức: Trung tâm Số, Đại học Thái Nguyên

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: PGS. TS. Trần Nhuận Kiên

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) *Tên nhiệm vụ:* Không

(2) *Mục tiêu nhiệm vụ:* Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng kèm theo.

(3) *Các nội dung chính thực hiện:* Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng kèm theo.

(4) *Sản phẩm của nhiệm vụ:* Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng kèm theo.

(5) *Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện:* Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng kèm theo.

(6) *Phương thức khoán chi:*

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

b) Khoán chi từng phần

2. **Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:**

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ: 07/07

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ: 0

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Mã số đề tài: ĐT/KTCN/39/2025

- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

+ Tên tổ chức chủ trì: Trung tâm Số (Đại học Thái Nguyên).

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: PGS. TS. Trần Nhuận Kiên, Giám đốc Trung tâm Số (Đại học Thái Nguyên).

C.N
3
QC
NGH
INGU

- Đề nghị Cơ quan chủ trì và Ban chủ nhiệm đề tài tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng.

- Hội đồng KH&CN cấp tỉnh giao cho tổ thẩm định nội dung, kinh phí có trách nhiệm xem xét, thẩm định các nội dung thực hiện, số lượng thành viên tham gia và thẩm định kinh phí theo đúng các quy định hiện hành.

- Về khoản kinh phí: Thực hiện phương thức khoán chi từng phần

- Cơ quan chủ trì tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phần tổng quan tình hình nghiên cứu; nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất; tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện, chỉnh sửa dự toán kinh phí thực hiện đề tài cho phù hợp với các nội dung thực hiện; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán kinh phí.

- Cơ quan chủ trì dự kiến xác định tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phương án bàn giao trong thuyết minh của nhiệm vụ.

- Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh xem xét và phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định.

Biên bản họp được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng tư vấn dự họp cùng ngày./.

THƯ KÝ KHOA HỌC

KS. Vũ Duy An

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
TS. Nguyễn Thị Thủy**



Phụ lục
Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

*(Kèm theo Biên bản số 193/BB-QLKH ngày 25/11/2025
của Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức và cá nhân
chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh)*

1. Ủy viên Phản biện 1: PGS.TS. Phùng Trung Nghĩa

- Về tổng quan tình hình nghiên cứu:

+ Phần tổng quan còn thiên về mô tả/biên khảo, thiếu đối sánh so sánh với các mô hình triển khai liên thông quy mô tỉnh/thành (benchmark kỹ thuật & chi phí vận hành); còn thiếu bằng chứng định lượng về hiệu quả/chi phí – lợi ích từ các dự án tương tự trong nước; chưa chỉ ra khoảng trống kỹ thuật cốt lõi mà đề tài sẽ giải quyết (VD: kiến trúc liên thông xuyên hệ LMS/Kho học liệu, chuẩn an toàn dữ liệu HS, tiêu chí SLO vận hành)

+ Bổ sung bảng so sánh 3–5 hệ thống thư viện số dùng chung (tính năng, chuẩn metadata, mô hình liên thông, chi phí TCO, yêu cầu hạ tầng mạng ở trường vùng sâu), và một tiểu mục nêu giả thuyết cải tiến/chỉ số kết quả KQ (KPIs) dự kiến để chứng minh lợi ích.

- Về Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

+ Thiếu mô tả phương pháp kỹ thuật ở mức đặc tả (kiến trúc hệ thống, lựa chọn nền tảng – tự phát triển/OSS/kết hợp; chuẩn API liên thông; chiến lược đồng bộ hoá dữ liệu & nhất quán giao dịch); chưa có ma trận nhân lực-nhiệm vụ-năng lực (RACI) chi tiết cho nhóm 25+ thành viên; chưa nêu rõ kiểm thử hiệu năng (tải đồng thời, tốc độ tra cứu, chỉ số sẵn sàng) và bảo mật (RBAC, mã hoá dữ liệu HS, nhật ký truy cập) theo quy định hiện hành

+ Bổ sung kiến trúc tham chiếu (logical + deployment), bảng RACI, Kế hoạch kiểm thử (unit/integration/performance), và Kế hoạch an toàn thông tin (mã hoá ở-nghi/đang-truyền, sao lưu, DR). Danh mục chuẩn trao đổi: OAI-PMH, Z39.50, SWORD/REST, SCIM/OIDC.

- Về sản phẩm khoa học và công nghệ:

+ Chưa có bộ chỉ số chất lượng/Hiệu năng cho phần mềm (thời gian đáp ứng <X giây, SLA $\geq 99.5\%$, MTTR, thông lượng tra cứu/min, tỷ lệ lỗi); tiêu chí chất lượng cơ sở dữ liệu (schema, chuẩn metadata, chỉ số trích xuất/tra cứu) chưa định lượng; thiếu chỉ số sử dụng sau triển khai (số tài liệu số hoá, DAU/MAU, số lượt mượn/truy cập, tỷ lệ hài lòng)

+ Thêm Bảng chỉ số chất lượng cho Dạng II (Functional, Performance, Security, Interoperability), kèm mốc nghiệm thu theo từng chỉ số; chuẩn hoá catalog metadata (Dublin Core/MARC21 + từ điển mô tả nội dung học liệu).

- Về khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất:

+ Chưa có mô hình chuyển giao – vận hành sau nghiệm thu (đơn vị chủ trì vận hành? Trung tâm điều phối? helpdesk cấp 1–2–3?); chưa có kế hoạch tài



chính duy trì hằng năm (hạ tầng, băng thông, bảo trì, backup, bản quyền OSS/bên thứ ba nếu có).

+ Bổ sung Kế hoạch chuyên giao (mốc, checklist dữ liệu, đào tạo vận hành), MOU với Sở GD&ĐT/đơn vị tiếp nhận, SOP vận hành (quy trình tiếp nhận lỗi, thời gian phản hồi), và Dự toán OPEX 3–5 năm.

- Bổ sung mô hình chuyên giao chuyên giao, quy trình kế hoạch vận hành để duy trì khi đề tài kết thúc.

- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện:

+ (Cần liên kết chặt AUCP ↔ danh mục ca sử dụng (Use-case) trong Phụ lục yêu cầu chức năng để thể hiện truy vết chi phí theo tính năng; thiếu dự toán hạ tầng triển khai phân tán (máy chủ tập trung/edge tại trường? cloud/on-prem? an toàn thông tin); chưa thấy dòng chi an toàn thông tin (kiểm thử xâm nhập, bảo vệ dữ liệu cá nhân người học).

+ Bổ sung BOM chi tiết hạ tầng, chi phí SLA vận hành, SOC/giám sát, DR-site; đối chiếu định mức 671/QĐ-BTTTT nếu áp dụng hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ; chèn bảng Mapping AUCP → Module → Effort → Cost.

- Về năng lực tổ chức và cá nhân tham gia:

+ Cần làm rõ nhân sự nòng cốt kỹ thuật (kiến trúc sư phần mềm, chuyên gia dữ liệu, bảo mật, DevOps) và cam kết thời lượng; thiếu nêu kinh nghiệm triển khai thật ở quy mô vài trăm điểm trường (số project tương tự, vai trò, kết quả).

+ Bổ sung bảng năng lực (CV ngắn theo vai trò), dự án tương tự đã triển khai, và sơ đồ tổ chức dự án (PMO, Technical Lead, Data Lead, Security Lead, Training Lead).

- Các góp ý khác:

+ Bổ sung Kiến trúc hệ thống chi tiết + Kế hoạch cho dữ liệu học sinh.

+ Bảng KPI nghiệm thu cho Dạng II (hiệu năng, liên thông, bảo mật, chỉ số sử dụng).

+ Kế hoạch chuyên giao – vận hành 3 năm (nhân sự, chi phí).

+ Nhân lực và Kế hoạch kiểm thử (func/perf/sec).

2. Ủy viên Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Quang Linh

- Về tổng quan tình hình nghiên cứu: Phần tổng quan có tính cập nhật, bám sát bối cảnh quốc tế và chính sách trong nước (như Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT). Tác giả đã chỉ rõ tính cấp thiết của đề tài khi xác định đúng khoảng trống thực tiễn tại Việt Nam và Thái Nguyên là sự thiếu đồng bộ, thiếu chuẩn hóa kỹ thuật và thiếu mô hình bền vững, từ đó làm rõ sự cần thiết phải thực hiện nghiên cứu này.

- Về Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

+ 04 nội dung nghiên cứu được thiết kế logic, bám sát mục tiêu. Phương pháp và kỹ thuật sử dụng rất phù hợp, hiện đại (áp dụng các chuẩn Z3950, OAI-PMH, MARC21, Dublin Core). Việc bố trí nhân lực liên ngành mạnh, kết hợp chuyên gia công nghệ (Trung tâm Số), giáo dục (ĐH Sư phạm) và quản lý (Sở GD&ĐT), đảm bảo khả năng thực hiện thành công các nội dung.

+ Bổ sung thêm 01 cuộc Hội thảo;

- Về sản phẩm khoa học và công nghệ:

+ Danh mục sản phẩm rất rõ ràng, định lượng cụ thể và đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt hàng. Các sản phẩm cốt lõi gồm phần mềm cho 350 trường, hệ thống liên thông dữ liệu, 50.000 trang tài liệu số hóa và 10 lớp tập huấn có giá trị thực tiễn cao, giải quyết trực tiếp nhu cầu của ngành giáo dục tỉnh và tuân thủ Thông tư 16. Tuy nhiên 1 số danh mục sản phẩm cần lượng hóa cụ thể hơn nữa để thuận tiện trong việc kiểm đếm, đánh giá sau này.

+ Các sản phẩm bổ sung các tiêu chí đánh giá

- Về khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất:

+ Đề tài có khả năng ứng dụng thực tiễn rất cao với các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Phương án chuyển giao được mô tả chi tiết, bao gồm cài đặt phần mềm, cung cấp cơ sở dữ liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn toàn diện. Sự phối hợp chặt chẽ với Sở GD&ĐT đảm bảo kết quả được đưa vào sử dụng hiệu quả trong đời sống giáo dục.

- Bổ sung phương án chuyển giao chuyển giao (giả định ít nhất 03 năm) để duy trì khi đề tài kết thúc.

- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện: Kế hoạch thực hiện trong 20 tháng được chia theo các mốc cụ thể, có tính khả thi. Tổng kinh phí 3,498 tỷ đồng là hợp lý cho quy mô triển khai rất lớn (350 đơn vị). Đặc biệt, các khoản chi, nhất là chi xây dựng phần mềm (2,838 tỷ đồng), được giải trình vô cùng chi tiết qua 8 phụ lục, tuân thủ chặt chẽ định mức và hướng dẫn của nhà nước (Quyết định 671/QĐ-BTTTT).

- Về năng lực tổ chức và cá nhân tham gia: Năng lực của tổ chức chủ trì (Trung tâm Số - ĐH Thái Nguyên) và cá nhân chủ nhiệm (PGS.TS Trần Nhuận Kiên, Giám đốc Trung tâm) rất phù hợp và mạnh, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Đội ngũ nghiên cứu có chuyên môn đa dạng, kết hợp giữa công nghệ, khoa học thư viện và khoa học giáo dục. Sự tham gia của tổ chức phối hợp là Sở GD&ĐT càng đảm bảo năng lực triển khai thực tiễn thành công.

3. Ủy viên: ThS. Hà Thị Thu Hiếu

- Mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu về hiện trạng của hệ thống thư viện trường phổ thông. Tuy nhiên, cần cụ thể hơn nữa về tình hình nghiên cứu áp dụng Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ; Ngày có hiệu lực, 07-01-2023

- Cần tăng nguồn kinh phí cho đào tạo cán bộ thư viện các trường phổ thông, tăng kinh phí tổ chức tập huấn, hội thảo và hướng dẫn sử dụng phần mềm



và tạo bộ sưu tập nguồn tài liệu điện tử và mượn lên thư viện

- Bổ sung thêm 01 cuộc Hội thảo.

4. Ủy viên: TS. Nông Minh Ngọc

- Về sản phẩm khoa học và công nghệ:

+ Khả thi về đào tạo sau đại học: Không có, bởi đề tài này hướng đến đối tượng thụ hưởng là các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên có thể cung cấp cho các giáo viên của các trường THPT tham khảo các tài liệu phục vụ cho việc học sau đại học.

+ Trong thuyết minh có đề cập đến số lượng 50.000 trang tài liệu số hóa cho 350 trường, đây là phép chia cơ học thì là khá mỏng, cần xem xét số hóa 50.000 trang tài liệu đó và cấp đồng loạt đều cho 350 trường có đúng không?

- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện:

+ Trong bản dự toán chi tiết, chi phí "Xây dựng phần mềm" được tính toán theo phương pháp điểm chức năng (Use-case points) rất chi tiết. Tuy nhiên, tỷ trọng gần 2,8 tỷ (cho hệ thống phần mềm đã bao gồm cả phần tài nguyên số, tài nguyên học liệu) và phần chi phí còn lại cho các hoạt động khác là hơi mất cân đối.

+ Xem xét cơ cấu vốn (80% cho phần mềm, <10% cho tạo lập dữ liệu) có thể chưa tối ưu cho mục tiêu "làm giàu kho tri thức".

- Góp ý khác:

+ Cần tách biệt phần xây dựng phần mềm với phần chi phí cho việc xây dựng tài nguyên số, tài nguyên học liệu (có bao gồm phần số hóa của mỗi đơn vị, đáp ứng yêu cầu cá nhân hóa của các trường).

+ Bổ sung thêm các trường phía Bắc cùng tham gia thực hiện

5. Ủy viên: KS. Vũ Duy An

Thuyết minh đề tài cơ bản đáp ứng mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ. Đề thuyết minh hoàn thiện hơn đề nghị cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ xem xét chỉnh sửa, bổ sung:

- Về tổng quan tình hình nghiên cứu:

+ Mục 13.II, Mục tiêu đề tài: bổ... "trường mầm non" cho phù hợp với định hướng mục tiêu theo Quyết định 1161/QĐ-UBND phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thực hiện NQ 57-NQ/TW. Có thể xem xét đưa vào phần mở rộng, khuyến cáo phát triển tại các trường mầm non (đối với quản lý, dạy học của giáo viên vì học sinh mầm non chưa tiếp cận được)

+ Mục 15.1, Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài chưa thật sự tập trung vào nội dung, đối tượng nghiên cứu. (chỉ cần nêu khái quát về Chuyển đổi số - Thư viện số. tình hình sử dụng, quản lý vận hành TVS trong trường phổ thông của thế giới, trong nước.

+ Luận giải những nội dung nghiên cứu: Có nội dung còn trùng lặp như mục 15.1, (Phần kết luận ở cuối mục 15.1 và đầu mục 15.2 ; Mục 15.2 – đoạn đầu "Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và chuyển đổi số... Mục 15.2 - đoạn cuối): "Chuyển đổi số thư viện là xu hướng tất yếu..." Nên trình bày luận điểm này một lần rõ ràng trong đoạn mở đầu phần Luận giải (15.2) và tránh lặp lại ở đoạn kết. Phần luận giải chưa thật sự thuyết phục để chứng minh sự cần thiết, tính mới phải thực hiện đề tài, giải quyết vấn đề thực trạng thư viện số hiện nay. Trang 15: Chủ yếu thuyết minh về những lợi ích và giải pháp.

- Về Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

+ Nội dung nghiên cứu khoa học mục 17: Thiếu nội dung điều tra khảo sát đánh giá nên chưa đánh giá được cơ sở thực tế như: Hạ tầng Công nghệ thông tin (yếu tố cơ bản của thư viện số); Thiết bị đầu cuối & tra cứu: máy tính, máy quét, thiết bị phục vụ số hóa tài liệu...); Kết nối mạng, web thư viện.

+ Khảo sát, thống kê và phân loại toàn bộ nguồn tài liệu hiện có trong các trường phổ thông; các tài liệu giấy như: Sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, tài liệu tham khảo, bài, bài giảng...các tài liệu điện tử, video, hình ảnh hoặc âm thanh phục vụ giảng dạy và học tập.

Tóm lại cần căn cứ lý luận, cơ sở thực tiễn, thực trạng, đánh giá tính cấp thiết, tính mới của nhiệm vụ khẳng định nhiệm vụ hết sức cần thiết để đáp ứng nhu cầu dạy, học, quản lý thư viện số tại trường phổ thông. Vì đây là điều kiện cơ bản để cơ sở tiếp nhận, quản lý, khác thác sử dụng hệ thống. Từ đó lựa chọn giải pháp công nghệ phù hợp, khoa học.

+ Nên đưa nội dung Công việc 3.1: Khảo sát và phân loại tài liệu lên thuyết minh cùng mục này.

- Về sản phẩm khoa học và công nghệ:

+ Nên làm rõ về sản phẩm dang II: Yêu cầu nhiệm vụ theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND là "nghiên cứu xây dựng nền tảng công nghệ cho hệ thống thư viện số..." (là hạ tầng kỹ thuật tổng thể mà phần mềm quản lý sẽ sử dụng?). trong khi thuyết minh (trang 36) lại đặt vấn đề sản phẩm là phần mềm quản lý thư viện số là chưa phù hợp.

+ Nội dung đào tạo, tập huấn (trang 37): Thuyết minh rõ hơn yêu cầu đào tạo (cấp chứng chỉ??), tập huấn. Tóm lại là theo yêu cầu nhiệm vụ thì tổ chức đào tạo hay tập huấn? Vì liên quan đến kiểm tra, cấp chứng chỉ, dự toán kinh phí

- Góp ý khác: Bổ sung đánh giá dự báo rủi ro, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy

- Bổ sung dữ liệu khảo sát thực trạng định lượng (tỷ lệ trường có thư viện số, mức độ đáp ứng theo Thông tư 16, mức độ sẵn sàng công nghệ thông tin, năng lực cán bộ thư viện, điều kiện Internet vùng núi, ...) giúp tăng tính thuyết phục và lượng hóa cấp thiết.

- Cần thể hiện rõ mô hình kiến trúc giải pháp công nghệ và cơ sở so sánh

lựa chọn công nghệ (open-source, thương mại hay hybrid); đồng thời cần đánh giá rủi ro về bản quyền tài liệu, bảo mật dữ liệu cá nhân học sinh theo các quy định mới

- Cần bổ sung phương pháp luận khoa học, đề xuất sử dụng: Khảo sát - điều tra xã hội học; Thử nghiệm - Đánh giá khả dụng (usability testing); Đánh giá hiệu quả theo mô hình CIPP, TAM/UTAUT hoặc ISO/IEC 25010; Phân tích rủi ro (Risk Mananement - ISO 31000).

- Thời gian thực hiện 20 tháng có thể phù hợp, cần ưu tiên tài liệu cốt lõi, tránh dàn trải, xác định rõ phân cấp trách nhiệm của các trường.

- Nhân lực đề xuất số lượng nhiều cần phân vai rõ, có tổ công tác kỹ thuật và tổ công tác đào tạo hỗ trợ vận hành.

- Kinh phí: Cần minh bạch hóa cơ cấu chi, bao gồm chi phí phần mềm (xây dựng, bản quyền, bảo trì); Thiết bị số hóa; Nhân công số hóa theo đơn giá; Tập huấn, đào tạo, hội thảo; Chi phí vận hành sau nghiệm thu.

7. Chủ tịch Hội đồng: TS. Dương Hữu Bường

Tổ chức chủ trì tiếp thu các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, chỉnh sửa, bổ sung lại thuyết minh cho phù hợp.

Đề nghị cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài làm rõ một số nội dung đã chỉ ra, hoàn thiện thuyết minh đề tài theo các ý kiến góp ý gửi về sở Khoa học và Công nghệ.

Giao Thư ký Hội đồng, Phòng Quản lý Khoa học đôn đốc đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ tham mưu các bước tiếp theo đúng qui định.

THƯ KÝ KHOA HỌC



Vũ Duy An